TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13-8-2020
V/v "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Minh Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Ánh Nhạn
2. Bà Trần Thị Thanh Kiều

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Xuân Son - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 349/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 về "Tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1997,
Địa chỉ: ấp GB, xã CT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu;
Địa chỉ liên lạc: ấp CX, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1982,
Địa chỉ: ấp SC, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-6-2020, trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 29-01-2017, hiện cháu P đang sống chung với anh T, chị yêu cầu giao anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Anh T nói không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng.

Vợ chồng chị chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do: Vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát với nhau (đánh nhau), chồng không lo làm ăn, thường xuyên rượu chè nên không hạnh phúc.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh T, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại địa chỉ cư trú nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không cung cấp cho Tòa án lời khai, ý kiến, yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Thanh T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Nguyễn Thanh T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T có yêu cầu ly hôn, Toà án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh chị sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không quan tâm lẫn nhau dẫn đến xảy ra mâu thuẫn, xô xát với nhau, không xây dựng hạnh phúc gia đình được, ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú để tổ chức phiên họp hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do, không có giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

[4] Về con chung: Xét thấy anh T hiện đang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu: Nguyễn Tấn P, chị T đồng ý giao anh T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. HĐXX xét thấy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu P, ghi nhận sự tự nguyện của chị T, cần giao cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu P là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc T đối với anh Nguyễn Thanh T. Chị T được ly hôn với anh T.

2.Về con chung: Giao anh Nguyễn Thanh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu: Nguyễn Tấn P, sinh ngày: 29-01-2017. Ghi nhận chị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012032 ngày 30-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã PĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Minh Hiếu